

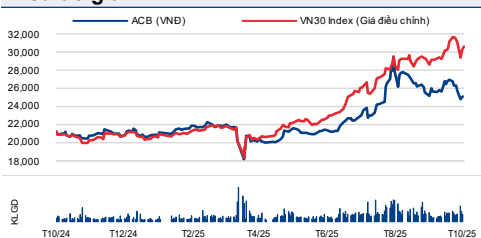
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ31,500
Tiềm năng tăng/giảm: 26.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/10/2025)	24,950
Mã Bloomberg	ACB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,214-29,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,963
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	128,158
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,867
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,137
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,541
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	77.2%
Cổ đông lớn	Sather Gate Inv (4.99%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	864	996	1,143
Dư nợ cho vay (ntđ)	581	676	778
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	33.5	35.2	42.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	16.8	17.9	21.5
BVPS (đồng)	16,248	18,770	21,884
EPS (đồng)	3,269	3,485	4,177
DPS (đồng)	756	870	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	19.1	16.5	15.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	2.35	5.13	20.3
Tăng trưởng EPS (%)	4.64	6.63	19.8
Tăng trưởng DPS (%)	15.0	15.0	15.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	23.1	25.0	23.9
ROAE (%)	21.7	19.9	20.5
ROAA (%)	2.12	1.92	2.01
Tỷ lệ NIM (%)	3.60	3.06	3.27
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	31.5	30.0
Hệ số CAR (%)	11.8	12.0	12.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.49	1.30	1.30
LLR/nợ xấu (%)	77.9	78.4	82.6
Hệ số LDR (%)	108	110	104
P/B (lần)	1.54	1.33	1.14
P/E (lần)	7.63	7.16	5.97
Lợi suất cổ tức (%)	3.03	3.49	4.01

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và DN/VN.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 11%, sát với dự báo

- ACB đã công bố LNTT Q3 đạt 5,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11% và sát với dự báo của chúng tôi, nhờ thu nhập giao dịch chứng khoán tăng lên và chi phí hoạt động được kiểm soát tốt. Trong khi đó, tỷ lệ NIM vẫn thấp và không đạt kỳ vọng của chúng tôi.
- Tín dụng hợp nhất tăng 15,3% kể từ đầu năm trong khi tổng vốn huy động tăng chậm hơn ở mức 7,1%. Tỷ lệ NIM giảm 4 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,95%. Thu nhập ngoài lãi tăng 28,7% nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi hoạt động tự doanh từ ACBS.
- Tỷ lệ nợ xấu cải thiện lên 1,1% từ 1,26% trong Q2 và 1,5% tại thời điểm cuối năm 2024. Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, giảm 7,5% so với cùng kỳ.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 31.500đ cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 và họp báo lợi nhuận

ACB đã công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 22/10/2025 và tổ chức cuộc họp báo KQKD vào ngày 23/10/2025. Trong đó, LNTT Q3/2025 đạt 5,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, nâng tổng LNTT 9 tháng đầu năm 2025 lên 16,1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 73% kế hoạch cả năm 2025 và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi. Tuy nhiên, kết quả này chủ yếu nhờ thu nhập tự doanh tăng lên và kiểm soát chi phí chặt chẽ thay vì tỷ lệ NIM phục hồi như chúng tôi đã dự báo.

Thu nhập tự doanh và kiểm soát chi phí hỗ trợ LNTT

Tổng thu nhập hoạt động tăng 3,1% so với cùng kỳ nhờ thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 29% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi hoạt động tự doanh (tăng lần lượt 170% và 210%), trong khi thu nhập lãi thuần giảm 1,6% so với cùng kỳ do tỷ lệ NIM tiếp tục suy yếu. Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ (giảm 7,5% so với cùng kỳ) và chi phí dự phòng giảm 19% so với cùng kỳ nhờ chất lượng tài sản cải thiện.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, ACB

LNTT tăng 11% so với cùng kỳ nhờ lãi hoạt động tự doanh tăng và kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,881	6,770	-1.6%	20,715	19,812	-4.4%	70.1%
Thu nhập ngoài lãi	1,255	1,615	28.7%	4,241	5,779	36.3%	84.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	747	795	6.5%	2,370	2,252	-4.9%	60.8%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	167	449	169.6%	826	1,595	93.0%	104.6%
Lãi tự doanh	119	367	210.0%	463	872	88.3%	199.8%
Thu nhập thuần khác	203	-15	-	551	980	78.0%	88.1%
Thu nhập từ mua cổ phần	20	18	-6.3%	31	80	156.6%	236.6%
Tổng thu nhập HĐ	8,136	8,385	3.1%	24,956	25,592	2.5%	73.0%
Chi phí HĐ	(2,934)	(2,714)	-7.5%	(8,163)	(8,142)	-0.3%	74.5%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	5,202	5,671	9.0%	16,793	17,450	3.9%	72.2%
Chi phí dự phòng	(358)	(289)	-19.4%	(1,458)	(1,378)	-5.5%	64.7%
LNTT	4,844	5,382	11.1%	15,334	16,072	4.8%	73.0%
Lợi nhuận thuần	3,870	4,281	10.6%	12,244	12,840	4.9%	72.9%

Nguồn: ACB, HSC

Tín dụng tăng trưởng 15,3% kể từ đầu năm, huy động tăng trưởng 7,1% kể từ đầu năm

Tín dụng hợp nhất tăng 15,3% kể từ đầu năm, trong đó tín dụng Ngân hàng mẹ tăng 14,2% và dư nợ cho vay ký quỹ tại công ty con ACB Securities (Tư nhân/Chưa niêm yết) tăng 87%. Cơ cấu tín dụng theo phân khúc, cho vay doanh nghiệp vừa và lớn (MMLC) tăng mạnh 48,8% so với cùng kỳ, trong khi tín dụng phân khúc DNNVV và bán lẻ tăng khoảng 10-11% so với cùng kỳ. So với quý trước, tăng trưởng tín dụng nghiêng về phân khúc MMLC. Trong phân khúc bán lẻ, cho vay nhà ở tăng tốc, trong khi cho vay kinh doanh hộ gia đình vẫn ảm đạm.

Về phía huy động, tổng vốn huy động sơ cấp (tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) giảm 3,2% so với quý trước, chủ yếu do giấy tờ có giá sụt giảm. Kể từ đầu năm, tổng huy động vốn chỉ tăng 7,1%, chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng

Do đó, tỷ lệ LDR điều chỉnh (tổng dư nợ tín dụng/tổng vốn huy động sơ cấp) tăng lên 98%, sau 3 quý duy trì ở mức khoảng 90%. Theo BLĐ, giấy tờ có giá chỉ sụt giảm tạm thời do một lượng lớn giấy tờ có giá đáo hạn vào Q3/2025. ACB đặt kế hoạch phát hành giấy tờ có giá mới trong Q4/2025 để bổ sung nguồn vốn.

Tỷ lệ NIM vẫn thấp nhưng thu nhập ngoài lãi tăng mạnh

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ 4 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,95% do chi phí huy động tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước trong khi lợi suất gộp chỉ tăng 14 điểm cơ bản, thấp hơn dự báo của chúng tôi do phân khúc bán lẻ lợi suất cao vẫn kém tích cực. Kể từ đầu năm, tỷ lệ NIM đã giảm gần 60 điểm cơ bản.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 6,5% so với cùng kỳ, phục hồi sau khi giảm 33% so với cùng kỳ trong Q2/2025 (do những điều chỉnh kế toán liên quan đến phí dịch vụ thẻ). Trong 9 tháng đầu năm 2025, phí thuần giảm khoảng 5%, chủ yếu do hoa hồng bancassurance kém tích cực. Những kết quả này nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 170% so với cùng kỳ chủ yếu do mức nền thấp, sát với dự báo của chúng tôi. Lãi hoạt động tự doanh tăng 210% nhờ kết quả mạnh mẽ của ACBS, cao hơn dự báo của chúng tôi.

Chất lượng tài sản cải thiện, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,1%

Tỷ lệ nợ xấu cải thiện lên 1,1%, từ 1,26% trong Q2/2025 và 1,5% tại thời điểm cuối năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 84% từ 76% trong Q2/2025 và 78% tại thời điểm cuối năm 2024.

Chất lượng tài sản cải thiện ở cả phân khúc bán lẻ và doanh nghiệp (MMLC & DNNVV). Ở phân khúc bán lẻ, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,3% từ 1,4% trong Q2/2025 và 1,5% tại thời điểm cuối năm 2024. Ở phân khúc doanh nghiệp, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0,8% và 2% trong Q3/2025 từ 1,5% tại thời điểm cuối năm 2024 và 1% trong Q2/2025.

Nhìn chung, chất lượng tài sản của ACB tốt hơn một chút so với giả định của chúng tôi.

Thắt chặt kiểm soát chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động giảm 7,5% so với cùng kỳ trong Q3 do chi phí lao động & quản lý giảm xuống. Hệ số CIR ở mức 32,4%, gần như đi ngang so với bình quân năm 2024. Tỷ lệ chi phí hoạt động/tín dụng giảm xuống 1,7%, từ 1,8% trong nửa đầu năm 2025 và 2% trong năm 2024. Chi phí vẫn được kiểm soát tốt hơn kỳ vọng - một động thái phù hợp trong bối cảnh tỷ lệ NIM thu hẹp.

Các cập nhật khác

Tầm nhìn 2025-2030: ACB đặt mục tiêu trở thành một tập đoàn dịch vụ tài chính hiệu quả, tập trung vào công nghệ & dữ liệu. Ngân hàng cũng lên kế

hoạch mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh vàng miếng (dự kiến bắt đầu từ tháng 11/2025, nếu được phê duyệt của NHNN) và bảo hiểm phi nhân thọ, nhằm cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện và cá nhân hóa.

Basel III: ACB đang xin phê duyệt áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB). Theo ngân hàng, hệ số CAR sẽ cải thiện đáng kể sau khi phương pháp này được triển khai.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 8,3% trong 3 tháng qua, ACB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,17 lần, cao hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,14 lần nhưng thấp hơn 14% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,37 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 31.500đ (tiềm năng tăng giá 26%), cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	52.3	50.9	58.9	69.6	85.4
Chi phí lãi	(27.4)	(23.1)	(31.0)	(35.4)	(43.2)
Thu nhập lãi thuần	25.0	27.8	27.9	34.3	42.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.92	3.24	3.07	3.66	4.44
Lãi thuần HĐ KDNH	1.11	1.17	2.13	2.47	2.83
Lãi/lỗ từ mua bán CK	2.82	0.65	0.66	0.69	0.81
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.08	0.04	0.09	0.09	0.09
Thu nhập khác	0.86	0.62	1.41	1.22	1.33
Tổng thu nhập HĐ	32.7	33.5	35.2	42.4	51.6
Chi phí HĐ	(10.9)	(10.9)	(11.1)	(12.7)	(15.0)
LN trước dự phòng	21.9	22.6	24.1	29.7	36.6
Chi phí dự phòng	(1.80)	(1.61)	(1.78)	(2.85)	(4.21)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	20.1	21.0	22.4	26.8	32.4
Chi phí thuế TNDN	(4.02)	(4.22)	(4.47)	(5.36)	(6.49)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	16.0	16.8	17.9	21.5	25.9
EPS (đồng)	3,124	3,269	3,485	4,177	5,051
DPS (đồng)	657	756	870	1,000	1,150
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	6.91	5.70	6.76	7.96	9.29
Tiền gửi tại NHNN	18.5	25.2	22.5	26.5	31.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	115	118	118	129	169
Chứng khoán kinh doanh	7.18	3.88	4.60	5.42	6.32
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.06	0	0	0
Số dư cho vay thuần	482	574	669	770	879
Tổng dư nợ cho vay	488	581	676	778	888
Dự phòng rủi ro	(5.37)	(6.74)	(6.89)	(8.36)	(9.11)
Chứng khoán đầu tư	73.5	121	156	183	213
CK đầu tư sẵn sàng để bán	44.9	109	143	164	191
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	28.6	12.2	12.8	18.8	21.9
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.14	0.12	0.12	0.12	0.12
Tài sản cố định	4.94	5.59	5.96	6.46	6.96
Tài sản khác	10.6	10.5	13.5	15.0	17.8
Tổng tài sản	719	864	996	1,143	1,332
Nợ phải trả	648	781	900	1,031	1,200
Tiền gửi của NHNN	0.00	7.95	20.3	0.00	0.00
Tiền gửi của các TCTD khác	89.5	112	105	117	133
Tổng tiền gửi KH	483	537	616	752	898
Trái phiếu và CCTG	52.4	102	135	133	134
Nợ khác	23.1	22.0	23.0	29.6	33.8
Vốn chủ sở hữu	71.0	83.5	96.4	112	132
Vốn điều lệ	38.8	44.7	51.4	59.1	67.9
Thặng dư vốn cổ phần	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Lợi nhuận giữ lại	20.3	23.7	26.9	31.6	38.1
Quỹ & vốn khác của CSH	11.6	14.8	17.9	21.5	25.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	719	864	996	1,143	1,332
BVPS (đồng)	13,814	16,248	18,770	21,884	25,709

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	18.2	20.2	15.3	14.8	16.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	17.9	19.1	16.5	15.1	14.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.6	11.3	14.7	22.0	19.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.8	19.4	17.6	17.7	16.7
Tăng trưởng VCSH (%)	21.4	17.6	15.5	16.6	17.5
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	6.06	11.4	0.31	22.9	23.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	(6.30)	0.26	1.65	14.8	17.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	27.3	3.38	6.80	22.9	23.5
Tăng trưởng LNTT (%)	17.3	4.67	6.49	19.9	20.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	17.2	4.64	6.63	19.8	20.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.94	4.23	3.79	3.96	4.17
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.64)	(1.38)	(1.19)	(1.19)	(1.21)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.2	97.7	97.9	97.9	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.40	2.52	2.68	2.98	3.43
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	41.8	43.3	45.9	53.6	63.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.99	7.63	7.16	5.97	4.94
P/B (lần)	1.81	1.54	1.33	1.14	0.97
Lợi suất cổ tức (%)	2.64	3.03	3.49	4.01	4.61

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.0	50.1	50.8	50.6	50.2
ROAA (%)	2.42	2.12	1.92	2.01	2.10
ROAE (%)	24.8	21.7	19.9	20.5	21.2
Chi phí huy động BQ (%)	4.76	3.34	3.79	3.77	3.99
Lợi suất góp BQ (%)	8.12	6.58	6.47	6.65	7.04
Lợi suất thuần (%)	3.36	3.24	2.68	2.88	3.05
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.60	3.06	3.27	3.48
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.92	9.66	8.71	8.63	8.60
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.2	82.9	79.1	80.8	81.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.9	7.40	12.2	10.5	9.79
Tỷ lệ CIR (%)	33.2	32.5	31.5	30.0	29.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.0	23.1	25.0	23.9	22.8

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.5	11.8	12.0	12.3	12.5
VCSH/Tổng TS (%)	9.87	9.66	9.68	9.83	9.92
Đòn bẩy vốn (lần)	10.1	10.4	10.3	10.2	10.1

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.21	1.49	1.30	1.30	1.10
Hệ số LLR (%)	91.2	77.9	78.4	82.6	93.2

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	101	108	110	104	98.9
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.3	14.9	12.2	11.7	11.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	67.8	67.2	67.9	68.1	66.7

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	384	388	390	400	410
Số lượng nhân viên	13,655	13,290	13,157	14,210	15,063

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn